

BỘ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20/2009/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2009

THÔNG TƯ
quy định về báo cáo thống kê và điều tra thống kê
dịch vụ bưu chính công ích

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Pháp lệnh bưu chính, viễn thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 157/2004/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh bưu chính, viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 65/2008/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích,

QUY ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc báo cáo thống kê và điều tra thống kê dịch vụ bưu chính công ích để xác định sản lượng, giá cước bình quân và mức độ sai khác của báo cáo thống kê.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Tổng công ty Bưu chính Việt Nam (Bưu chính Việt Nam) và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc báo cáo thống kê và điều tra thống kê dịch vụ bưu chính công ích.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Báo cáo thống kê là hình thức tổ chức thu thập thông tin thống kê dựa vào các báo cáo được lập theo kỳ hạn nhất định.
2. Điều tra thống kê là hình thức tổ chức thu thập thông tin thống kê dựa

vào các cuộc điều tra được tiến hành theo kế hoạch, nội dung và phương pháp quy định riêng cho mỗi cuộc điều tra.

3. Bưu cục ngoại dịch là địa điểm làm thủ tục hải quan đối với bưu phẩm, bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu và là nơi trao đổi các túi, gói bưu phẩm, bưu kiện quốc tế.

Điều 4. Nguyên tắc xác định sản lượng và giá cước bình quân dịch vụ bưu chính công ích.

1. Sản lượng dịch vụ thư cơ bản trong nước và quốc tế (đơn vị tính là cái) được xác định dựa trên cơ sở tính toán số liệu từ báo cáo thống kê và kết quả điều tra thống kê hàng năm.

2. Sản lượng dịch vụ phát hành báo chí qua mạng bưu chính công cộng (đơn vị tính là tờ) theo Quyết định số 65/2008/QĐ-TTg ngày 22/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích (sau đây gọi tắt là dịch vụ phát hành báo) được xác định dựa trên số liệu báo cáo thống kê.

3. Giá cước bình quân một cái thư cơ bản trong nước được xác định dựa trên cơ sở tổng hợp, tính toán số liệu từ kết quả điều tra thống kê.

4. Giá cước bình quân một cái thư cơ bản quốc tế được xác định dựa trên cơ sở tổng hợp, tính toán số liệu từ kết quả điều tra thống kê và giá cước thanh toán giữa Việt Nam và các nước theo quy định

hiện hành của Liên minh Bưu chính thế giới (UPU) cho mỗi kilôgam (kg) thư.

5. Mức độ sai khác của báo cáo thống kê dịch vụ bưu chính công ích (đơn vị tính là %) được xác định dựa trên kết quả đối chiếu giữa số liệu trên các báo cáo tổng hợp và số liệu trên các báo cáo, sổ sách chi tiết, chứng từ giao nhận (sau đây gọi tắt là tài liệu, chứng từ) tại các đơn vị được lựa chọn điều tra.

6. Số cái thư bình quân trong một kilôgam thư là số nguyên dương. Nếu số cái thư bình quân trong một kilôgam thư theo tính toán là số thập phân thì làm tròn thành số nguyên theo nguyên tắc làm tròn số thập phân: kết quả sau dấu phẩy lớn hơn hoặc bằng năm (05) thì số liệu được làm tròn lên; kết quả sau dấu phẩy nhỏ hơn năm (05) thì số liệu được làm tròn xuống.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

BÁO CÁO THỐNG KÊ DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH

Điều 5. Mục tiêu và yêu cầu đối với báo cáo thống kê

1. Mục tiêu báo cáo thống kê:

a) Xác định chỉ tiêu khối lượng thư (đơn vị tính là kg), đối với:

- Dịch vụ thư cơ bản trong nước đến 2 kg;

- Dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ Việt Nam đi các nước đến 2 kg;

- Dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ các nước đến Việt Nam đến 2 kg.

b) Xác định chỉ tiêu sản lượng báo phát hành, đối với:

- Báo Nhân dân;

- Báo quân đội Nhân dân;

- Báo do Đảng bộ các tỉnh, thành phố địa phương xuất bản;

- Các loại báo chí khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định là dịch vụ bưu chính công ích tại Quyết định số 65/2008/QĐ-TTg.

2. Yêu cầu báo cáo thống kê

a) Các báo cáo thống kê phải đảm bảo tính chính xác, trung thực và đầy đủ;

b) Việc ghi chép, tổng hợp số liệu báo cáo thống kê không được tính trùng hoặc bỏ sót;

c) Báo cáo thống kê dịch vụ thư cơ bản trong nước, dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ Việt Nam đi các nước phải phản ánh toàn bộ sản lượng được chấp nhận tại các điểm phục vụ;

d) Báo cáo thống kê dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ các nước đến Việt Nam phải phản ánh toàn bộ sản lượng thực tế từ các nước đến Việt Nam;

đ) Báo cáo thống kê của dịch vụ phát hành báo phải phản ánh toàn bộ sản lượng báo được chuyển phát cho độc giả;

e) Các báo cáo thống kê và tài liệu, chứng từ liên quan đến báo cáo thống kê được lưu trữ theo chế độ lưu trữ chứng từ kế toán, báo cáo tài chính.

Điều 6. Cách thức thực hiện báo cáo thống kê

1. Bưu chính Việt Nam thực hiện việc thống kê toàn bộ sản lượng dịch vụ thư cơ bản trong nước và dịch vụ phát hành báo tại tất cả các điểm phục vụ và thống kê toàn bộ sản lượng dịch vụ thư cơ bản quốc tế tại các bưu cục ngoại dịch.

2. Báo cáo thống kê do Bưu chính Việt Nam lập được tổng hợp dựa trên các báo cáo thống kê của các đơn vị trực thuộc.

Điều 7. Kỳ báo cáo, thời điểm báo cáo

1. Báo cáo thống kê dịch vụ bưu chính công ích theo mẫu CI-1 tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này được gửi Bộ Thông tin và Truyền thông, mỗi năm hai (02) lần: trước ngày 15/8 đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 28/02 của năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

2. Bưu chính Việt Nam chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các số liệu trong báo cáo thống kê gửi Bộ Thông tin và Truyền thông.

Mục 2

**ĐIỀU TRA THÔNG KÊ DỊCH VỤ
BUU CHÍNH CÔNG ÍCH**

Điều 8. Mục tiêu, yêu cầu và phương pháp điều tra thông kê

1. Mục tiêu điều tra thông kê

a) Xác định chỉ tiêu số cái thư bình quân trong một kilôgam thư (đơn vị tính là cái) và chỉ tiêu giá cước bình quân một cái thư (đơn vị tính là đồng Việt Nam), đối với:

- Dịch vụ thư cơ bản trong nước đến 2 kg;

- Dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ Việt Nam đi các nước đến 2 kg;

- Dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ các nước đến Việt Nam đến 2 kg.

b) Xác định tỷ lệ chênh lệch về sản lượng theo báo cáo thống kê (sau đây gọi tắt là tỷ lệ chênh lệch), đối với:

- Dịch vụ thư cơ bản trong nước đến 2 kg;

- Dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ Việt Nam đi các nước đến 2 kg;

- Dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ các nước đến Việt Nam đến 2 kg;

- Dịch vụ phát hành báo.

c) Xác định các chỉ tiêu khác theo yêu cầu của Nhà nước trong từng kỳ điều tra thống kê.

2. Yêu cầu điều tra thông kê

a) Các chỉ tiêu điều tra thông kê phải được phản ánh trung thực, chính xác và đầy đủ trên biểu mẫu;

b) Việc ghi chép, thu thập, tổng hợp số liệu điều tra thông kê phải đảm bảo tính chính xác, không được tính trùng hoặc bỏ sót;

c) Việc chọn mẫu điều tra phải mang tính khách quan và đủ số lượng mẫu theo yêu cầu.

3. Phương pháp điều tra thông kê

Việc điều tra thông kê được thực hiện bằng phương pháp điều tra chọn mẫu.

Điều 9. Xác định mẫu điều tra thông kê

1. Mẫu điều tra thông kê để xác định các chỉ tiêu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 như sau:

a) Địa điểm điều tra thông kê:

- Đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước: Điều tra thông kê tại ít nhất bảy (07) trung tâm khai thác cấp tỉnh của Bưu chính Việt Nam, trong đó ba (03) trung tâm khai thác cấp tỉnh bắt buộc là Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh; các trung tâm khai thác cấp tỉnh khác do Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định hàng năm theo tiêu chí mẫu điều tra trải đều trên toàn quốc và đại diện các vùng, miền.

- Đối với dịch vụ thư cơ bản quốc tế: Điều tra thống kê tại các bưu cục ngoại dịch của Bưu chính Việt Nam.

b) Khối lượng thư điều tra thống kê:

- Đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước: Mỗi ngày trong kỳ điều tra thống kê, thực hiện điều tra 10 kg thư tại mỗi địa điểm điều tra thống kê được lựa chọn.

- Đối với dịch vụ thư cơ bản quốc tế: Mỗi ngày trong kỳ điều tra thống kê, thực hiện điều tra 20 kg thư đối với mỗi loại chỉ tiêu điều tra thống kê.

- Trường hợp khối lượng thư điều tra không đủ so với yêu cầu nêu trên thì thực hiện điều tra thống kê toàn bộ khối lượng thư thực tế trong ngày.

2. Mẫu điều tra thống kê để xác định các chỉ tiêu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 như sau:

a) Địa điểm điều tra thống kê:

- Đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước và dịch vụ phát hành báo: Điều tra thống kê tại ít nhất bảy (07) tỉnh, thành phố. Tại mỗi tỉnh, thành phố, thực hiện điều tra thống kê tại 100% bưu cục giao dịch trung tâm tỉnh, thành phố, 10% bưu cục giao dịch cấp quận, 5% bưu cục giao dịch khác và 10% đơn vị thống kê cấp quận.

Tỉnh, thành phố được lựa chọn điều tra thống kê theo tiêu chí trải đều trên toàn quốc và đại diện cho các vùng, miền.

- Đối với dịch vụ thư cơ bản quốc tế: Điều tra thống kê tại tất cả các bưu cục ngoại dịch của Bưu chính Việt Nam.

b) Tài liệu điều tra thống kê: Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định chọn báo cáo thống kê của tháng bất kỳ (trước kỳ điều tra thống kê) để thực hiện việc điều tra.

Điều 10. Thời gian điều tra thống kê

Việc điều tra thống kê được thực hiện ít nhất mỗi năm một lần vào quý II hoặc quý III. Mỗi kỳ điều tra thống kê thực hiện ít nhất năm (05) ngày làm việc, liên tục từ thứ hai đến thứ sáu.

Điều 11. Tổ chức điều tra thống kê

1. Hàng năm, Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định phương án điều tra thống kê và thành lập đoàn điều tra thống kê.

2. Nội dung phương án điều tra thống kê:

a) Mục đích điều tra;

b) Đối tượng, đơn vị và phạm vi điều tra;

c) Nội dung điều tra;

d) Thời gian điều tra;

đ) Mẫu điều tra;

e) Kinh phí điều tra.

3. Thành phần đoàn điều tra:

a) Đại diện Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Đại diện Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố được lựa chọn điều tra;

c) Đại diện Bưu chính Việt Nam.

Điều 12. Cách thức điều tra thống kê

Trong kỳ điều tra thống kê, hàng ngày, tại từng địa điểm điều tra thống kê được lựa chọn, người tham gia điều tra thực hiện các công việc chính sau đây:

1. Đối với các chỉ tiêu thống kê quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8:

a) Cân ngẫu nhiên khối lượng thư cần điều tra theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Thông tư này;

b) Đếm tổng số cái thư trong khối lượng thư được lựa chọn;

c) Ghi chép chi tiết thông tin vào các mẫu CI-2 và CI-3 tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đối với các chỉ tiêu thống kê quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8:

a) Tại bưu cục giao dịch:

- Đối chiếu số liệu của báo cáo tổng hợp với số liệu trên các tài liệu, chứng từ tại bưu cục giao dịch đó.

- Ghi kết quả điều tra vào mẫu CI-7 tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Tại đơn vị thống kê cấp quận:

- Đối chiếu số liệu trên báo cáo tổng

hợp cấp quận với số liệu trên các báo tổng hợp từ các điểm phục vụ gửi về.

- Ghi kết quả điều tra vào mẫu CI-8 tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Tại bưu cục ngoại dịch:

- Đối chiếu giữa số liệu trên báo cáo tổng hợp với số liệu trên tài liệu, chứng từ tại bưu cục ngoại dịch đó.

- Ghi kết quả điều tra vào mẫu CI-9 tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 13. Tổng hợp kết quả điều tra thống kê

1. Đối với các chỉ tiêu thống kê quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8:

Từ kết quả điều tra hàng ngày của tất cả các tỉnh, thành phố được lựa chọn điều tra, đoàn điều tra tổng hợp, tính toán và ghi chép vào mẫu CI-4, CI-5 và CI-6 tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đối với các chỉ tiêu thống kê quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8:

Từ kết quả điều tra thống kê hàng ngày của tất cả các tỉnh, thành phố được lựa chọn điều tra, đoàn điều tra tổng hợp, tính toán và ghi chép vào mẫu CI-10, CI-11 và CI-12 tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 14. Xác định các chỉ tiêu điều tra thống kê trong một kỳ điều tra

1. Số cái thư bình quân trong một kilôgam thư được tính riêng cho từng dịch vụ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8.

Số cái thư bình quân trong một kilôgam thư (=) Tổng số cái thư được kiểm đếm (:) Tổng khối lượng thư được lựa chọn điều tra.

2. Giá cước bình quân một cái thư cơ bản trong nước

$$\bar{x} = \frac{\sum_{i=1}^n x_i \cdot f_i}{\sum_{i=1}^n f_i}$$

Trong đó:

▪ \bar{x} : Là giá cước bình quân một cái thư.

▪ x_i : Là giá cước thư ở nấc cước thứ i ($i = 1, n$); n là số lượng nấc cước thư được kiểm đếm.

▪ f_i : Là số cái thư được kiểm đếm ở nấc cước thứ i .

3. Giá cước bình quân một cái thư cơ bản quốc tế từ Việt Nam đi các nước

Giá cước bình quân một cái thư cơ bản quốc tế từ Việt Nam đi các nước (=) Giá cước bình quân một cái thư được kiểm đếm (-) Giá cước bình quân một cái thư dùng để thanh toán giữa Việt Nam và các nước theo quy định hiện hành của UPU.

Trong đó:

▪ Giá cước bình quân một cái thư được kiểm đếm: Áp dụng công thức như công thức quy định tại khoản 2 Điều này.

▪ Giá cước bình quân một cái thư dùng để thanh toán giữa Việt Nam và các nước theo quy định hiện hành của UPU (=) Giá cước thanh toán giữa Việt Nam và các nước cho một kilôgam thư theo quy định hiện hành của UPU (:) số cái thư bình quân trong một kilôgam thư được xác định trong kỳ điều tra.

4. Giá cước bình quân một cái thư cơ bản quốc tế từ các nước đến Việt Nam (=) Giá cước thanh toán giữa Việt Nam và các nước cho một kilôgam thư theo quy định hiện hành của UPU (:) Số cái thư bình quân trong một kilôgam thư được xác định trong kỳ điều tra.

5. Tỷ lệ chênh lệch về sản lượng theo báo cáo thống kê

a) Đối với dịch vụ thư cơ bản quốc tế:

Tỷ lệ chênh lệch trong cả nước (=) Tổng các số liệu trên các báo cáo tổng hợp của tất cả các bưu cục ngoại dịch (:)

Tổng các số liệu trên các tài liệu, chứng từ tại các bưu cục ngoại dịch đó.

b) Đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước và dịch vụ phát hành báo:

Tỷ lệ chênh lệch trong cả nước (=) Bình quân gia quyền theo sản lượng các tỷ lệ chênh lệch của tỉnh, thành phố được lựa chọn điều tra.

Trong đó:

▪ Tỷ lệ chênh lệch từng tỉnh, thành phố (=) [Tổng sản lượng trên báo cáo tổng hợp cấp quận (:)
Tổng sản lượng trên tài liệu, chứng từ tại cấp quận] (x) [Tổng sản lượng trên báo cáo tổng hợp của các bưu cục giao dịch được lựa chọn điều tra (:)
Tổng sản lượng trên tài liệu, chứng từ tại các bưu cục đó].

Mục 3

XÁC ĐỊNH GIÁ CƯỚC BÌNH QUÂN, MỨC ĐỘ SAI KHÁC VÀ SẢN LƯỢNG

Điều 15. Xác định giá cước bình quân một cái thư cơ bản trong nước và quốc tế

Giá cước bình quân một cái thư cơ bản trong nước và quốc tế (=) Trung bình cộng giá cước bình quân một cái thư cơ bản trong nước và quốc tế tương

ứng được xác định trong các kỳ điều tra thống kê.

Điều 16. Mức độ sai khác của báo cáo thống kê

1. Mức độ sai khác trong một năm của báo cáo thống kê (=) trị tuyệt đối của [1 (-) tỷ lệ chênh lệch trong cả nước].

Trường hợp trong một năm thực hiện nhiều kỳ điều tra thống kê thì tỷ lệ chênh lệch trong cả nước (=) Trung bình cộng các tỷ lệ chênh lệch được xác định trong các kỳ điều tra thống kê.

2. Mức độ sai khác trong một năm của báo cáo thống kê được xác định riêng cho từng dịch vụ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Thông tư này.

Điều 17. Xác định sản lượng dịch vụ thư cơ bản trong nước và quốc tế

1. Sản lượng dịch vụ thư cơ bản trong nước và quốc tế (đơn vị tính là cái) (=) Số cái thư bình quân trong một kilôgam thư (x) Khối lượng thư của dịch vụ tương ứng (đơn vị tính là kg).

2. Trường hợp mức độ sai khác của báo cáo thống kê (\leq) 03% thì khối lượng thư nêu tại khoản 1 nêu trên (=) Khối lượng theo báo cáo thống kê hàng năm của Bưu chính Việt Nam.

3. Trường hợp mức độ sai khác của báo cáo thống kê ($>$) 03% thì khối lượng thư nêu tại khoản 1 nêu trên (=) Khối

lượng theo báo cáo thống kê hàng năm của Bureau chính Việt Nam (:) tỷ lệ chênh lệch trong cả nước.

Điều 18. Xác định sản lượng dịch vụ phát hành báo

1. Sản lượng dịch vụ phát hành báo (=) Sản lượng theo báo cáo thống kê hàng năm của Bureau chính Việt Nam lập trong trường hợp mức độ sai khác của báo cáo thống kê (\leq) 03%.

2. Sản lượng dịch vụ phát hành báo (=) Sản lượng theo báo cáo thống kê hàng năm của Bureau chính Việt Nam lập (:) tỷ lệ chênh lệch trong cả nước trong trường hợp mức độ sai khác của báo cáo thống kê ($>$) 03%.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2009.

Điều 20. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tham gia điều tra thống kê theo quyết định của Bộ Thông tin và Truyền thông trong từng kỳ điều tra.

2. Bureau chính Việt Nam có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị thực hiện việc báo cáo thống kê;

b) Tham gia các kỳ điều tra thống kê theo quyết định của Bộ Thông tin và Truyền thông./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thành Hưng

Phụ lục

(ban hành kèm theo Thông tư số 20/2009/TT-BTTTT ngày 28/5/2009
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Gồm các mẫu sau:

1. Mẫu CI-1: Báo cáo thống kê dịch vụ bưu chính công ích.

2. Mẫu CI-2: Điều tra thống kê dịch vụ thư cơ bản trong nước.

3. Mẫu CI-3: Điều tra thống kê dịch vụ thư cơ bản quốc tế.

4. Mẫu CI-4: Tổng hợp kết quả điều tra thống kê dịch vụ thư trong nước.

5. Mẫu CI-5: Tổng hợp kết quả điều tra thống kê dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ Việt Nam đi các nước.

6. Mẫu CI-6: Tổng hợp các kết quả điều tra thống kê dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ các nước đến Việt Nam.

7. Mẫu CI-7: Điều tra tại bưu cục giao

dịch dịch vụ thư cơ bản trong nước và dịch vụ phát hành báo.

8. Mẫu CI-8: Điều tra tại đơn vị thống kê cấp quận dịch vụ thư cơ bản trong nước và dịch vụ phát hành báo.

9. Mẫu CI-9: Điều tra tại bưu cục ngoại dịch dịch vụ thư cơ bản quốc tế.

10. Mẫu CI-10: Tổng hợp điều tra của tỉnh, thành phố dịch vụ thư cơ bản trong nước và dịch vụ phát hành báo.

11. Mẫu CI-11: Tổng hợp điều tra trong cả nước dịch vụ thư cơ bản trong nước và dịch vụ phát hành báo.

12. Mẫu CI-12: Tổng hợp điều tra trong cả nước dịch vụ thư cơ bản quốc tế.

Mẫu CI-1

(ban hành theo Thông tư số 20/2009/TT-BTTTT ngày 28/5/2009
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

TỔNG CÔNG TY
BƯU CHÍNH VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THỐNG KÊ DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH
Kỳ báo cáo...

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

STT	Loại dịch vụ	Đơn vị tính	Sản lượng kỳ báo cáo	Ghi chú
	(A)	(B)	(C)	(D)
I	Dịch vụ bưu chính phổ cập			
1	Dịch vụ thư cơ bản trong nước	Kg		
2	Dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ Việt Nam đi các nước	Kg		
3	Dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ các nước đến Việt Nam	Kg		
II	Dịch vụ phát hành báo			
1	Báo Nhân dân	Tờ		
2	Báo Quân đội nhân dân	Tờ		
3	Báo do Đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Tờ		

09661568

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

....., ngày... tháng.... năm....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Giải thích nội dung và cách ghi mẫu CI-1

1. Yêu cầu

Mẫu CI-1 do Tổng công ty Bưu chính Việt Nam lập và báo cáo lên Bộ Thông tin và Truyền thông.

Mẫu này được áp dụng cho báo cáo sáu (06) tháng (được lập trước ngày 31 tháng 7) và báo cáo năm (được lập trước ngày 28 tháng 02 của năm tiếp theo).

2. Nội dung và cách ghi mẫu

- Cột (A) Loại dịch vụ: Ghi các loại dịch vụ bưu chính phổ cập và dịch vụ phát hành báo.

- Cột (B) Đơn vị tính: Ghi đơn vị tính là kilôgam (kg) đối với các dịch vụ bưu chính phổ cập và là tờ báo đối với dịch vụ phát hành báo.

- Cột (C) Sản lượng dịch vụ kỳ báo cáo: Ghi sản lượng dịch vụ kỳ báo cáo:

+ Đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước: Số liệu sản lượng phản ánh toàn bộ sản lượng thư, bưu thiếp trong nước được chấp nhận tại tất cả các điểm phục vụ (bưu cục giao dịch, điểm bưu điện văn hóa xã, thùng thư công cộng,..) trong kỳ báo cáo.

+ Đối với dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ Việt Nam đi các nước: Số liệu sản lượng phản ánh toàn bộ sản lượng thư, bưu thiếp quốc tế từ Việt Nam đi các nước tại các bưu cục ngoại dịch.

Không thống kê sản lượng nhận từ bưu cục ngoại dịch khác.

+ Đối với dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ các nước đến Việt Nam: Số liệu sản lượng phản ánh toàn bộ sản lượng thư, bưu thiếp từ quốc tế đến Việt Nam.

Không thống kê sản lượng dịch vụ nhận từ bưu cục ngoại dịch khác.

- Cột (D) Ghi chú: Ghi các nội dung chú thích (nếu có).

Mẫu CI-2

(ban hành theo Thông tư số 20/2009/TT-BTTTT ngày 28/5/2009
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Trung tâm khai thác tỉnh...

Đợt điều tra tháng...

ĐIỀU TRA THÔNG KÊ DỊCH VỤ THƯ CƠ BẢN TRONG NƯỚC

Ngày... tháng... năm...

1. Tổng khối lượng thư điều tra (kg):

2. Nội dung điều tra:

STT	Nấc cước (đồng)	Số cái thư (cái)	Tổng cước (đồng)	Ghi chú
(A)	(1)	(2)	(3) = (1) x (2)	(4)
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
...				
Tổng cộng	x			

09601568

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Ghi chú: Không thống kê vào ô có dấu “x”

..., ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

ĐẠI DIỆN TRUNG TÂM

KHAI THÁC

(Ký, họ tên)

ĐẠI DIỆN ĐOÀN

ĐIỀU TRA

(Ký, họ tên)

Giải thích nội dung và cách ghi mẫu CI-2

1. Mục đích

Mẫu CI-2 được lập để:

- Xác định tổng số cái thư trong khối lượng thư được lựa chọn điều tra tại trung tâm khai thác của một tỉnh, thành phố.
- Xác định tổng cước của tổng số cái thư đó.

2. Nội dung và cách ghi mẫu

- Mục 1 (Tổng khối lượng thư điều tra): Ghi chép tổng khối lượng được lựa chọn trong một ngày điều tra.
- Mục 2 (Nội dung điều tra): Ghi chép các nội dung nêu trong bảng
 - + Cột (1) Nấc cước: Ghi nấc cước của một cái thư hoặc bưu thiếp trên phong bì được kiểm đếm.
 - + Cột (2) Số cái thư: Ghi số lượng cái thư được kiểm đếm tương ứng với nấc cước ở cột (1).
 - + Cột (3) Tổng cước: Được xác định (=) cột (1) (x) cột (2).
 - + Tính “Tổng cộng” theo các cột tương ứng trong bảng.

Mẫu CI-3

(ban hành theo Thông tư số 20/2009/TT-BTTTT ngày 28/5/2009
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Bưu cục ngoại dịch...

Đợt điều tra tháng...

ĐIỀU TRA THỐNG KÊ DỊCH VỤ THƯ CƠ BẢN QUỐC TẾ

Ngày... tháng... năm...

1. Điều tra dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ Việt Nam đi các nước

1.1. Tổng khối lượng thư điều tra (kg):

1.2. Nội dung điều tra:

STT	Nấc cước (đồng)	Số cái thư (cái)	Tổng cước (đồng)	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3) = (1) x (2)	(4)
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
...				
Tổng cộng	x			

Ghi chú: Không thống kê vào ô có dấu “x”

2. Điều tra dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ các nước đến Việt Nam

2.1. Tổng khối lượng thư điều tra (kg):

2.2. Tổng số cái thư:

..., ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU ĐẠI DIỆN BƯU CỤC
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐIỀU TRA
(Ký, họ tên)

Giải thích nội dung và cách ghi mẫu CI-3

1. Mục đích

Mẫu CI-3 được lập để:

- Xác định tổng số cái thư trong khối lượng thư được lựa chọn điều tra tại bưu cục ngoại dịch.
- Xác định tổng cước của tổng số cái thư cơ bản quốc tế từ Việt Nam đi các nước được kiểm đếm.

2. Nội dung và cách ghi mẫu

- Mục 1 (Điều tra dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ Việt Nam đi các nước)
 - Mục 1.1 (Tổng khối lượng thư điều tra): Ghi tổng khối lượng được kiểm đếm trong một ngày điều tra.
 - Mục 1.2 (Nội dung điều tra): Ghi chép các nội dung nêu trong bảng:
 - + Cột (1) Nấc cước: Ghi nấc cước của một cái thư hoặc bưu thiếp trên phong bì được kiểm đếm.
 - + Cột (2) Số cái thư: Ghi số lượng thư được kiểm đếm tương ứng với nấc cước ở cột (1).
 - + Cột (3) Tổng cước: Được xác định (=) cột (1) (x) cột (2).
 - + Tính “Tổng cộng” theo các cột tương ứng trong bảng.
 - Mục 2 (Điều tra dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ các nước đến Việt Nam)
 - Mục 2.1 (Tổng khối lượng thư điều tra): Ghi tổng khối lượng được kiểm đếm trong một ngày điều tra.
 - Mục 2.2 (Tổng số cái thư): Ghi tổng số cái thư kiểm đếm trong tổng khối lượng thư được lựa chọn điều tra.

Mẫu CI-4

(ban hành theo Thông tư số 20/2009/TT-BTTTT ngày 28/5/2009
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Đợt điều tra tháng...

Năm...

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA THỐNG KÊ DỊCH VỤ THƯ CƠ BẢN
TRONG NƯỚC

Ngày.... tháng.... năm....

1. Tổng hợp nội dung điều tra:

STT	Tên trung tâm khai thác	Ngày điều tra	Tổng khối lượng thư điều tra (kg)	Tổng số cái thư (cái)	Tổng cước (đồng)	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Hà Nội	Ngày điều tra thứ 1				
		Ngày điều tra thứ 2				
		Ngày điều tra thứ 3				
		Ngày điều tra thứ 4				
		Ngày điều tra thứ 5				
2	T.P Hồ Chí Minh	Ngày điều tra thứ 1				
		Ngày điều tra thứ 2				
		Ngày điều tra thứ 3				
		Ngày điều tra thứ 4				
		Ngày điều tra thứ 5				
...				
Tổng cộng						

2. Số cái thư bình quân trong một kilôgam thư:

3. Giá cước bình quân một cái thư cơ bản trong nước:

..., ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐIỀU TRA
(Ký, họ tên)

Giải thích nội dung và cách ghi mẫu CI-4

1. Mục đích

Mẫu CI-4 được lập từ các mẫu CI-2 để:

- Xác định số cái thư bình quân trong một kilôgam thư cơ bản trong nước trong một kỳ điều tra.
- Xác định giá cước bình quân một cái thư cơ bản trong nước trong một kỳ điều tra.

2. Nội dung và cách ghi mẫu

- Mục 1 (Tổng hợp nội dung điều tra): Ghi chép các nội dung nêu trong bảng:
 - + Cột (1) Tên trung tâm khai thác: Ghi tên các trung tâm khai thác tỉnh, thành phố nơi thực hiện điều tra thống kê.
 - + Cột (2) Ngày điều tra: Ghi cụ thể các ngày điều tra.
 - + Cột (3) Tổng khối lượng thư điều tra: Ghi tổng khối lượng thư điều tra thống kê từng ngày tại từng trung tâm khai thác. Số liệu này là số liệu được lấy tại Mục 1 mẫu CI-2 của trung tâm khai thác tương ứng.
 - + Cột (4) Tổng số cái thư: Ghi tổng số cái thư điều tra thống kê từng ngày tại từng trung tâm khai thác. Số liệu này là số liệu được lấy tại cột (2) dòng “Tổng cộng” Mục 2 mẫu CI-2 của tỉnh, thành phố tương ứng.
 - + Cột (5) Tổng cước: Ghi tổng số tiền cước của số thư được kiểm đếm tại từng trung tâm khai thác. Số liệu này là số liệu được lấy tại cột (3) dòng “Tổng cộng” Mục 2 mẫu CI-2 của tỉnh, thành phố tương ứng.
- + Tính “Tổng cộng” theo các cột tương ứng trong bảng.
- Mục 2 (Số cái thư bình quân trong một kilôgam thư): Được xác định (=) Tổng số cái thư ghi tại cột (4) dòng “Tổng cộng” Mục 1 của mẫu CI-4 này (:) Tổng khối lượng thư điều tra ghi tại cột (3) dòng “Tổng cộng” Mục 1 của mẫu CI-4 này.
- Mục 3 (Giá cước bình quân một cái thư cơ bản trong nước): Được xác định (=) Tổng cước ghi tại cột (5) dòng “Tổng cộng” Mục 1 của mẫu CI-4 này (:) Tổng số cái thư ghi tại cột (4) dòng “Tổng cộng” Mục 1 của mẫu CI-4 này.

Mẫu CI-5

(ban hành theo Thông tư số 20/2009/TT-BTTTT ngày 28/5/2009
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Đợt điều tra...

Năm...

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA THÔNG KÊ DỊCH VỤ THƯ CƠ BẢN
QUỐC TẾ TỪ VIỆT NAM ĐI CÁC NƯỚC**

1. Tổng hợp nội dung điều tra:

STT	Bưu cục ngoại dịch	Ngày điều tra	Tổng khối lượng thư điều tra (kg)	Tổng số cái thư (cái)	Tổng cước (đồng)	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Bưu cục ngoại dịch Hà Nội	Ngày điều tra thứ 1				09691568
2		Ngày điều tra thứ 2				
3		Ngày điều tra thứ 3				
4		Ngày điều tra thứ 4				
5		Ngày điều tra thứ 5				
6	Bưu cục ngoại dịch T.P Hồ Chí Minh	Ngày điều tra thứ 1				
7		Ngày điều tra thứ 2				
8		Ngày điều tra thứ 3				
9		Ngày điều tra thứ 4				
10		Ngày điều tra thứ 5				
Tổng cộng						

2. Số cái thư bình quân trong một kilôgam thư:

3. Giá cước bình quân một cái thư được kiểm đếm:

4. Giá cước thanh toán giữa Việt Nam và các nước cho một kilôgam thư theo quy định hiện hành của UPU:

5. Giá cước bình quân một cái thư dùng để thanh toán giữa Việt Nam và các nước theo quy định hiện hành của UPU:

6. Giá cước bình quân một cái thư cơ bản quốc tế từ Việt Nam đi các nước:

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

..., ngày... tháng... năm...

ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐIỀU TRA

(Ký, họ tên)

Giải thích nội dung và cách ghi mẫu CI-5

1. Mục đích

Mẫu CI-5 được lập từ các mẫu CI-3 để:

- Xác định số cái thư bình quân trong một kilôgam thư cơ bản quốc tế từ Việt Nam đi các nước trong một kỳ điều tra.
- Xác định giá cước bình quân một cái thư cơ bản quốc tế từ Việt Nam đi các nước trong một kỳ điều tra.

2. Nội dung và cách ghi mẫu

- Mục 1 (Tổng hợp nội dung điều tra): Ghi chép các nội dung nêu trong bảng
 - + Cột (1) Tên bưu cục ngoại dịch: Ghi tên các bưu cục ngoại dịch nơi thực hiện điều tra thống kê.
 - + Cột (2) Ngày điều tra: Ghi cụ thể các ngày điều tra.
 - + Cột (3) Tổng khối lượng thư điều tra: Ghi tổng khối lượng thư điều tra thống kê từng ngày tại từng bưu cục ngoại dịch. Số liệu này là số liệu được lấy tại Mục 1.1 mẫu CI-3 của bưu cục ngoại dịch tương ứng.
 - + Cột (4) Tổng số cái thư: Ghi tổng số cái thư điều tra thống kê từng ngày tại từng bưu cục ngoại dịch. Số liệu này là số liệu được lấy tại cột (2) dòng “Tổng cộng” Mục 1.2 mẫu CI-3 của bưu cục ngoại dịch tương ứng.
 - + Cột (5) Tổng cước: Ghi tổng số tiền cước của số thư được kiểm đếm tại từng bưu cục ngoại dịch. Số liệu này là số liệu được lấy tại cột (3) dòng “Tổng cộng” Mục 1.2 mẫu CI-3 của bưu cục ngoại dịch tương ứng.

+ Tính “Tổng cộng” theo các cột tương ứng trong bảng.

- Mục 2 (Số cái thư bình quân trong một kilôgam thư): Được xác định (=) Tổng số cái thư ghi tại cột (4) dòng “Tổng cộng” Mục 1 của mẫu CI-5 này (:) Tổng khối lượng thư điều tra ghi tại cột (3) dòng “Tổng cộng” Mục 1 của mẫu CI-5 này.

- Mục 3 (Giá cước bình quân một cái thư cơ bản được kiểm đếm): Được xác định (=) Tổng cước ghi tại cột (5) dòng “Tổng cộng” Mục 1 của mẫu CI-5 này (:) Tổng số cái thư ghi tại cột (4) dòng “Tổng cộng” Mục 1 của mẫu CI-5 này.

- Mục 4 (Giá cước thanh toán giữa Việt Nam và các nước cho một kilôgam thư theo quy định hiện hành của UPU): Được tính bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá quy đổi tại thời điểm điều tra thống kê.

- Mục 5 (Giá cước bình quân một cái thư dùng để thanh toán giữa Việt Nam và các nước theo quy định hiện hành của UPU): Được xác định (=) Kết quả tính toán tại Mục 4 của mẫu CI-5 này (:) Kết quả tính toán tại Mục 2 của mẫu CI-5 này.

- Mục 6 (Giá cước bình quân một cái thư cơ bản quốc tế từ Việt Nam đi các nước): Được xác định (=) Kết quả tính toán tại Mục 3 của mẫu CI-5 này (-) Kết quả tính toán tại Mục 5 của mẫu CI-5 này.

Mẫu CI-6

(ban hành theo Thông tư số 20/2009/TT-BTTTT ngày 28/5/2009
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Đợt điều tra tháng...

Năm...

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA THÔNG KÊ DỊCH VỤ THƯ CƠ BẢN
QUỐC TẾ TỪ CÁC NƯỚC ĐẾN VIỆT NAM**

Ngày... tháng... năm...

1. Tổng hợp nội dung điều tra:

STT	Tên bưu cục ngoại dịch	Ngày điều tra	Tổng khối lượng thư điều tra (kg)	Tổng số cái thư (cái)	Ghi chú
(A)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Hà Nội	Ngày điều tra thứ 1			09601568
2		Ngày điều tra thứ 2			
3		Ngày điều tra thứ 3			
4		Ngày điều tra thứ 4			
5		Ngày điều tra thứ 5			
6	T.p Hồ Chí Minh	Ngày điều tra thứ 1			
7		Ngày điều tra thứ 2			
8		Ngày điều tra thứ 3			
9		Ngày điều tra thứ 4			
10		Ngày điều tra thứ 5			
Tổng cộng					

2. Số cái thư bình quân trong một kilôgam thư:

3. Giá cước thanh toán giữa Việt Nam và các nước cho một kilôgam thư theo quy định hiện hành của UPU:

4. Giá cước bình quân một cái thư cơ bản quốc tế từ các nước đến Việt Nam:

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

..., ngày... tháng... năm...
ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐIỀU TRA
(Ký, họ tên)

Giải thích nội dung và cách ghi mẫu CI-6

1. Mục đích

Mẫu CI-6 được lập từ các mẫu CI-3 để:

- Xác định số cái thư bình quân trong một kilôgam thư cơ bản quốc tế từ các nước đến Việt Nam trong một kỳ điều tra.
- Xác định giá cước bình quân một cái thư cơ bản quốc tế từ các nước đến Việt Nam trong một kỳ điều tra.

2. Nội dung và cách ghi mẫu

- Mục 1 (Tổng hợp nội dung điều tra): Ghi chép các nội dung nêu trong bảng
 - + Cột (1) Tên bưu cục ngoại dịch: Ghi tên các bưu cục ngoại dịch nơi thực hiện điều tra thống kê.
 - + Cột (2) Ngày điều tra: Ghi cụ thể các ngày điều tra.
 - + Cột (3) Tổng khối lượng thư điều tra: Ghi tổng khối lượng thư điều tra thống kê từng ngày tại từng bưu cục ngoại dịch. Số liệu này là số liệu được lấy tại Mục 2.1 mẫu CI-2 của bưu cục ngoại dịch tương ứng.
 - + Cột (4) Tổng số cái thư: Ghi tổng số cái thư điều tra thống kê từng ngày tại từng bưu cục ngoại dịch. Số liệu này là số liệu được lấy tại Mục 2.2 mẫu CI-3 của bưu cục ngoại dịch tương ứng.
 - + Tính “Tổng cộng” theo các cột tương ứng trong bảng.
- Mục 2 (Số cái thư bình quân trong một kilôgam thư): Được xác định (=) Tổng số cái thư ghi tại cột (4) dòng “Tổng cộng” Mục 1 của mẫu CI-6 này (:) Tổng khối lượng thư điều tra ghi tại cột (3) dòng “Tổng cộng” Mục 1 của mẫu CI-6 này.
- Mục 3 (Giá cước thanh toán giữa Việt Nam và các nước cho một kilôgam thư theo quy định hiện hành của UPU): Được tính bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá quy đổi tại thời điểm điều tra thống kê.
- Mục 4 (Giá cước bình quân một cái thư cơ bản quốc tế từ các nước đến Việt Nam): Được xác định (=) Kết quả tính toán tại Mục 3 của mẫu CI-6 này (:) Kết quả tính toán tại Mục 2 của mẫu CI-6 này.

Đợt điều tra tháng.....

Năm.....

**ĐIỀU TRA TẠI BƯU CỤC GIAO DỊCH
DỊCH VỤ THƯ CƠ BẢN TRONG NƯỚC VÀ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH BÁO**

STT	Địa điểm điều tra	Ngày, tháng điều tra	Dịch vụ thư cơ bản trong nước		Dịch vụ phát hành báo		Ghi chú
			Số liệu trên tài liệu, chứng từ (kg)	Số liệu trên báo cáo tổng hợp (kg)	Số liệu trên tài liệu, chứng từ (tờ)	Số liệu trên báo cáo tổng hợp (tờ)	
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1							
2							
3							
4							
5							
Tổng cộng							

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐIỀU TRA
(Ký, họ tên)

Giải thích nội dung và cách ghi mẫu CI-7

1. Mục đích

Mẫu CI-7 được lập để:

- Xác định số liệu được ghi trên các tài liệu, chứng từ của các ngày trong tháng được lựa chọn điều tra tại bưu cục giao dịch được lựa chọn điều tra.
- Xác định số liệu được ghi trên báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra của bưu cục giao dịch được lựa chọn điều tra.

2. Nội dung và cách ghi mẫu

- + Cột (B) Địa điểm điều tra: Ghi tên bưu cục giao dịch nơi thực hiện điều tra thống kê.
- + Cột (C) Ngày, tháng điều tra: Ghi cụ thể các ngày điều tra.
- + Cột (1) Số liệu trên tài liệu, chứng từ: Ghi số liệu trên các báo cáo, sổ sách chi tiết, chứng từ giao nhận của các ngày trong tháng được lựa chọn điều tra tại bưu cục được lựa chọn điều tra đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước.
- + Cột (2) Số liệu trên báo cáo tổng hợp: Ghi số liệu trên báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra tại bưu cục được lựa chọn điều tra đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước.
- + Cột (3) Số liệu trên tài liệu, chứng từ: Ghi số liệu trên các báo cáo, sổ sách chi tiết, chứng từ giao nhận của các ngày trong tháng được lựa chọn điều tra tại các bưu cục giao dịch được lựa chọn điều tra đối với dịch vụ phát hành báo.
- + Cột (4) Số liệu trên báo cáo tổng hợp: Ghi số liệu trên báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra tại bưu cục được lựa chọn điều tra đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước.
- + Tính “Tổng cộng” theo các cột tương ứng trong bảng.

Đợt điều tra tháng.....

Năm.....

**ĐIỀU TRA TẠI ĐƠN VỊ THỐNG KÊ CẤP QUẬN DỊCH VỤ THƯ CƠ BẢN
TRONG NƯỚC VÀ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH BÁO**

STT	Địa điểm điều tra	Ngày, tháng điều tra	Dịch vụ thư cơ bản trong nước		Dịch vụ phát hành báo		Ghi chú
			Số liệu trên báo cáo tổng hợp tại các điểm phục vụ (kg)	Số liệu trên báo cáo tổng hợp cấp quận (kg)	Số liệu trên báo cáo tổng hợp tại các điểm phục vụ (tờ)	Số liệu trên báo cáo tổng hợp cấp quận (tờ)	
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1							
2							
3							
4							
5							
Tổng cộng							

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐIỀU TRA
(Ký, họ tên)

Giải thích nội dung và cách ghi mẫu CI-8

1. Mục đích

Mẫu CI-8 được lập để:

- Xác định số liệu được ghi trên báo cáo tổng hợp của các điểm phục vụ gửi về trong tháng được lựa chọn điều tra.
- Xác định số liệu được ghi trên báo cáo tổng hợp của đơn vị thống kê cấp quận được lựa chọn điều tra trong tháng được lựa chọn điều tra.

2. Nội dung và cách ghi mẫu

- + Cột (B) Địa điểm điều tra: Ghi tên đơn vị thống kê cấp quận nơi thực hiện điều tra thống kê.
- + Cột (C) Ngày, tháng điều tra: Ghi cụ thể các ngày điều tra.
- + Cột (1) Số liệu trên báo cáo tổng hợp của các điểm phục vụ: Ghi số liệu được ghi trên các báo cáo tổng hợp của tháng từ các điểm phục vụ gửi về đơn vị thống kê cấp quận được lựa chọn điều tra để tổng hợp đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước
- + Cột (2) Số liệu trên báo cáo tổng hợp cấp quận: Ghi số liệu trên báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra tại đơn vị thống kê cấp quận đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước.
- + Cột (3) Số liệu trên báo cáo tổng hợp của các điểm phục vụ: Ghi số liệu trên các báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra từ các điểm phục vụ gửi về đơn vị thống kê cấp quận lựa chọn điều tra để tổng hợp đối với dịch vụ phát hành báo.
- + Cột (4) Số liệu trên báo cáo tổng hợp cấp quận: Ghi số liệu trên báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra tại đơn vị thống kê cấp quận đối với dịch vụ phát hành báo.
- + Tính “Tổng cộng” theo các cột tương ứng trong bảng.

Đợt điều tra tháng.....

Năm.....

ĐIỀU TRA TẠI BƯU CỤC NGOẠI DỊCH DỊCH VỤ THƯ CƠ BẢN QUỐC TẾ

STT	Địa điểm điều tra	Ngày, tháng điều tra	Dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ Việt Nam đi các nước		Dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ các nước đến Việt Nam		Ghi chú
			Số liệu trên tài liệu, chứng từ (kg)	Số liệu trên báo cáo tổng hợp (kg)	Số liệu trên tài liệu, chứng từ (tờ)	Số liệu trên báo cáo tổng hợp (kg)	
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1							
2							
3							
4							
5							
Tổng cộng							

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐIỀU TRA
(Ký, họ tên)

Giải thích nội dung và cách ghi mẫu CI-9

1. Mục đích

Mẫu CI-9 được lập để:

- Xác định số liệu được ghi trên các tài liệu, chứng từ của các ngày trong tháng được lựa chọn điều tra tại bưu cục ngoại dịch.
- Xác định số liệu được ghi trên báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra tại bưu cục ngoại dịch đó.

2. Nội dung và cách ghi mẫu

- + Cột (B) Địa điểm điều tra: Ghi tên bưu cục ngoại dịch nơi thực hiện điều tra thống kê.
- + Cột (C) Ngày, tháng điều tra: Ghi cụ thể các ngày điều tra.
- + Cột (1) Số liệu trên tài liệu, chứng từ: Ghi số liệu trên các báo cáo, sổ sách chi tiết, chứng từ giao nhận của các ngày trong tháng được lựa chọn điều tra tại bưu cục ngoại dịch đối với dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ Việt Nam đi các nước.
- + Cột (2) Số liệu trên báo cáo tổng hợp: Ghi số liệu trên báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra tại bưu cục ngoại dịch đối với dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ Việt Nam đi các nước.
- + Cột (3) Số liệu trên tài liệu, chứng từ: Ghi số liệu trên các báo cáo, sổ sách chi tiết, chứng từ giao nhận của các ngày trong tháng được lựa chọn điều tra tại bưu cục ngoại dịch đối với dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ các nước đến Việt Nam.
- + Cột (4) Số liệu trên báo cáo tổng hợp: Ghi số liệu trên báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra tại bưu cục ngoại dịch đối với dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ các nước đến Việt Nam.
- + Tính “Tổng cộng” theo các cột tương ứng trong bảng.

Đợt điều tra tháng.....

Năm.....

**TỔNG HỢP ĐIỀU TRA CỦA TỈNH, THÀNH PHỐ DỊCH VỤ THƯ CƠ BẢN
TRONG NƯỚC VÀ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH BÁO**

1. Tên tỉnh, thành phố:
2. Tổng hợp nội dung điều tra tại các bưu cục giao dịch:

STT	Địa điểm điều tra	Dịch vụ thư cơ bản trong nước		Dịch vụ phát hành báo		Ghi chú
		Số liệu trên tài liệu, chứng từ (kg)	Số liệu trên báo cáo tổng hợp (kg)	Số liệu trên tài liệu, chứng từ (tờ)	Số liệu trên báo cáo tổng hợp (tờ)	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1						
2						
3						
Tổng cộng						

3. Tổng hợp nội dung điều tra tại đơn vị thống kê cấp quận

STT	Địa điểm điều tra	Dịch vụ thư cơ bản trong nước		Dịch vụ phát hành báo		Ghi chú
		Số liệu trên báo cáo tổng hợp của các điểm phục vụ (kg)	Số liệu trên báo cáo tổng hợp cấp quận (kg)	Số liệu trên báo cáo tổng hợp của các điểm phục vụ (tờ)	Số liệu trên báo cáo tổng hợp cấp quận (tờ)	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1						
2						
3						
Tổng cộng						

4. Xác định tỷ lệ chênh lệch của tỉnh, thành phố đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước:

5. Xác định tỷ lệ chênh lệch của tỉnh, thành phố đối với dịch vụ phát hành báo:

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐIỀU TRA

(Ký, họ tên)

Giải thích nội dung và cách ghi mẫu CI-10

1. Mục đích

Mẫu CI-10 được lập để tổng hợp số liệu điều tra thống kê của một tỉnh, thành phố trên cơ sở các số liệu từ các mẫu CI-7 và CI-8 đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước và dịch vụ phát hành báo.

2. Nội dung và cách ghi mẫu

- Mục 1 (Tên tỉnh, thành phố): Ghi tên tỉnh, thành phố được tổng hợp kết quả điều tra.

- Mục 2 (Tổng hợp nội dung điều tra tại các bưu cục giao dịch): Ghi chép các nội dung nêu trong bảng

+ Cột (B) Địa điểm điều tra: Ghi tên các bưu cục giao dịch nơi thực hiện điều tra thống kê thuộc tỉnh, thành phố được lựa chọn điều tra.

+ Cột (1) Số liệu trên tài liệu, chứng từ: Ghi tổng số liệu trên báo cáo, sổ sách chi tiết, chứng từ giao nhận của các ngày trong tháng được lựa chọn điều tra tại bưu cục ngoại dịch đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước. Số liệu này được lấy tại cột (1) dòng “Tổng cộng” trên các mẫu CI-7 tương ứng.

+ Cột (2) Số liệu trên báo cáo tổng hợp: Ghi tổng số liệu trên báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra tại bưu cục giao dịch đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước. Số liệu này được lấy tại cột (2) dòng “Tổng cộng” trên các mẫu CI-7 tương ứng.

+ Cột (3) Số liệu trên tài liệu chứng từ: Ghi tổng số liệu trên báo cáo, sổ sách chi tiết, chứng từ giao nhận của các ngày trong tháng được lựa chọn điều tra tại bưu cục giao dịch đối với dịch vụ phát hành báo. Số liệu này được lấy tại cột (3) dòng “Tổng cộng” trên các mẫu CI-7 tương ứng.

+ Cột (4) Số liệu trên báo cáo tổng hợp: Ghi tổng số liệu trên báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra tại các bưu cục giao dịch đối với dịch vụ phát hành báo. Số liệu này được lấy tại cột (4) dòng “Tổng cộng” trên các mẫu CI-7 tương ứng.

+ Tính “Tổng cộng” theo các cột tương ứng trong bảng.

- Mục 3 (Tổng hợp nội dung điều tra tại đơn vị thống kê cấp quận):

+ Cột (B) Địa điểm điều tra: Ghi tên các đơn vị thống kê cấp quận nơi thực hiện điều tra thống kê thuộc tỉnh, thành phố được lựa chọn điều tra.

+ Cột (1) Số liệu trên báo cáo tổng hợp của các điểm phục vụ: Ghi tổng số liệu trên báo cáo tổng hợp của tháng từ các điểm phục vụ gửi về đơn vị thống kê cấp quận được lựa chọn điều tra để tổng hợp đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước. Số liệu này được lấy tại cột (1) dòng “Tổng cộng” trên các mẫu CI-8 tương ứng.

+ Cột (2) Số liệu trên báo cáo tổng hợp cấp quận: Ghi tổng số liệu trên báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra tại đơn vị thống kê cấp quận đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước. Số liệu này được lấy tại cột (2) dòng “Tổng cộng” trên các mẫu CI-8 tương ứng.

+ Cột (3) Số liệu trên báo cáo tổng hợp tại các điểm phục vụ: Ghi tổng số liệu trên báo cáo tổng hợp của tháng từ các điểm phục vụ gửi về đơn vị thống kê cấp quận được lựa chọn điều tra để tổng hợp đối với dịch vụ phát hành báo. Số liệu này được lấy tại cột (3) dòng “Tổng cộng” trên các mẫu CI-8 tương ứng.

+ Cột (4) Số liệu trên báo cáo tổng hợp cấp quận: Ghi tổng số liệu trên báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra tại đơn vị thống kê cấp quận đối với dịch vụ phát hành báo. Số liệu này được lấy tại cột (4) dòng “Tổng cộng” trên các mẫu CI-8 tương ứng.

+ Tính “Tổng cộng” theo các cột tương ứng trong bảng.

- Mục 4 (Xác định tỷ lệ chênh lệch của từng tỉnh, thành phố đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước): Được xác định (=) [Số liệu trên báo cáo tổng hợp ghi tại cột (2) dòng “Tổng cộng” Mục 2 của mẫu CI-10 này (:) Số liệu trên tài liệu, chứng từ ghi tại cột (1) dòng “Tổng cộng” Mục 2 của mẫu CI-10 này] (x) [Số liệu trên báo cáo tổng hợp cấp quận ghi tại cột (2) dòng “Tổng cộng” Mục 3 của mẫu CI-10 này (:) Số liệu trên báo cáo tổng hợp của các điểm phục vụ ghi tại cột (1) dòng “Tổng cộng” của mẫu CI-10 này].

- Mục 5 (Xác định tỷ lệ chênh lệch của từng tỉnh, thành phố đối với dịch vụ phát hành báo): Được xác định (=) [Số liệu trên báo cáo tổng hợp ghi tại cột (4) dòng “Tổng cộng” Mục 2 của mẫu CI-10 này (:) Số liệu trên tài liệu, chứng từ ghi tại cột (3) dòng “Tổng cộng” Mục 2 của mẫu CI-10 này] (x) [Số liệu trên báo cáo tổng hợp cấp quận ghi tại cột (4) dòng “Tổng cộng” Mục 3 của mẫu CI-10 này (:) Số liệu trên báo cáo tổng hợp của các điểm phục vụ ghi tại cột (3) dòng “Tổng cộng” của mẫu CI-10 này].

Đợt điều tra tháng.....

Năm.....

**TỔNG HỢP ĐIỀU TRA TRONG CẢ NƯỚC DỊCH VỤ THƯ CƠ BẢN
TRONG NƯỚC VÀ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH BÁO**

1. Tổng hợp nội dung điều tra:

STT	Tên tỉnh, thành phố	Dịch vụ thư cơ bản trong nước			Dịch vụ phát hành báo			Ghi chú
		Tỷ lệ chênh lệch của tỉnh, thành phố	Số liệu sản lượng trong một quý (kg)	Tích giữa tỷ lệ chênh lệch và sản lượng	Tỷ lệ chênh lệch của tỉnh, thành phố	Số liệu sản lượng trong một quý (tờ)	Tích giữa tỷ lệ chênh lệch và sản lượng	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3) = (1) x (2)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)	(7)
1								
2								
3								
Tổng cộng		x			x			

Ghi chú: Không thống kê vào ô có dấu “x”

2. Tỷ lệ chênh lệch của cả nước đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước:

3. Tỷ lệ chênh lệch của cả nước đối với dịch vụ phát hành báo:

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐIỀU TRA

(Ký, họ tên)

Giải thích nội dung và cách ghi mẫu CI-11

1. Mục đích

Mẫu CI-11 được lập để: Tổng hợp số liệu điều tra thống kê của cả nước trên cơ sở các số liệu từ các mẫu CI-10 đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước và dịch vụ phát hành báo.

2. Nội dung và cách ghi mẫu

- Mục 1 (Tổng hợp nội dung điều tra): Ghi chép các nội dung nêu trong bảng

+ Cột (B) Tên tỉnh, thành phố: Ghi tên các tỉnh, thành phố được lựa chọn điều tra thống kê.

+ Cột (1) Tỷ lệ chênh lệch của tỉnh, thành phố: Ghi tỷ lệ chênh lệch về số liệu của từng tỉnh, thành phố đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước. Tỷ lệ này được lấy tại Mục 3 của mẫu CI-10 tương ứng.

+ Cột (2) Số liệu sản lượng trong một quý: Ghi số liệu sản lượng của quý trước quý điều tra thống kê đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước của tỉnh, thành phố tương ứng. Số liệu này là số liệu được lấy theo báo cáo thống kê của Bureau chính Việt Nam.

+ Cột (3) Tích giữa tỷ lệ chênh lệch và sản lượng: Được xác định (=) cột (1) (x) cột (2)

+ Cột (4) Tỷ lệ chênh lệch của tỉnh, thành phố: Ghi tỷ lệ chênh lệch về số liệu của từng tỉnh, thành phố đối với dịch vụ phát hành báo. Tỷ lệ này được lấy tại Mục 4 mẫu CI-10 tương ứng.

+ Cột (5) Số liệu sản lượng trong một quý: Ghi số liệu sản lượng quý trước quý điều tra thống kê đối với dịch vụ phát hành báo của tỉnh, thành phố tương ứng. Số liệu này là số liệu được lấy theo báo cáo thống kê của Bureau chính Việt Nam.

+ Cột (6): Được xác định(=) cột (4) (x) cột (5)

- Mục 2 (Tỷ lệ chênh lệch trong cả nước đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước): Được xác định (=) Số liệu tại cột (3) dòng “Tổng cộng” mẫu số CI-11 này (:) Số liệu tại cột (2) dòng “Tổng cộng” mẫu số CI-11 này.

- Mục 3 (Tỷ lệ chênh lệch trong cả nước đối với dịch vụ phát hành báo): Được xác định (=) Số liệu tại cột (6) dòng “Tổng cộng” mẫu số CI-11 này (:) Số liệu tại cột (5) dòng “Tổng cộng” mẫu số CI-11 này.

Mẫu CI-12

(ban hành theo Thông tư số 20/2009/TT-BTTTT ngày 28/5/2009
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Đợt điều tra tháng.....

Năm.....

**TỔNG HỢP ĐIỀU TRA TRONG CẢ NƯỚC
DỊCH VỤ THƯ CƠ BẢN QUỐC TẾ**

1. Tổng hợp nội dung điều tra:

1.1. Dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ Việt Nam đi các nước:

STT	Tên bưu cục ngoại dịch	Số liệu trên tài liệu, chứng từ (kg)	Số liệu trên báo cáo tổng hợp (kg)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Hà Nội			
2	TP. Hồ Chí Minh			
	...			
	Tổng cộng			

1.2. Dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ các nước đến Việt Nam:

STT	Tên bưu cục ngoại dịch	Số liệu trên tài liệu, chứng từ (kg)	Số liệu trên báo cáo tổng hợp (kg)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Hà Nội			
2	TP. Hồ Chí Minh			
	...			
	Tổng cộng			

2. Tỷ lệ chênh lệch trong cả nước đối với dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ các nước đến Việt Nam:

3. Tỷ lệ chênh lệch trong cả nước đối với dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ Việt Nam đi các nước:

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐIỀU TRA
(Ký, họ tên)

Giải thích nội dung và cách ghi mẫu số CI-12

1. Mục đích

Mẫu CI-12 được lập để: Tổng hợp số liệu điều tra thống kê của cả nước trên cơ sở các số liệu từ các mẫu CI-9 đối với dịch vụ thư cơ bản quốc tế.

2. Nội dung và cách ghi mẫu

- Mục 1 (Tổng hợp nội dung điều tra)

- Mục 1.1 (Dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ Việt Nam đi các nước): Ghi chép các nội dung trong bảng

+ Cột (2) Tên bưu cục ngoại dịch: Ghi tên các bưu cục ngoại dịch nơi thực hiện điều tra thống kê.

+ Cột (3) Số liệu trên tài liệu, chứng từ: Ghi tổng số liệu trên báo cáo, sổ sách chi tiết, chứng từ giao nhận của các ngày trong tháng được lựa chọn điều tra tại các bưu cục ngoại dịch đối với dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ Việt Nam đi các nước. Số liệu này được lấy tại cột (1) dòng “Tổng cộng” trên mẫu CI-9 của bưu cục ngoại dịch tương ứng.

+ Cột (4) Số liệu trên báo cáo tổng hợp: Ghi số liệu trên báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra tại các bưu cục ngoại dịch đối với dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ Việt Nam đi các nước. Số liệu này được lấy tại cột (2) dòng “Tổng cộng” trên mẫu CI-9 của bưu cục ngoại dịch tương ứng.

- Mục 1.2 (Dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ các nước đến Việt Nam): Ghi chép các nội dung trong bảng

+ Cột (2) Tên bưu cục ngoại dịch: Ghi tên các bưu cục ngoại dịch được điều tra.

+ Cột (3) Số liệu trên tài liệu, chứng từ: Ghi tổng số liệu trên báo cáo, sổ sách chi tiết, chứng từ giao nhận của các ngày trong tháng được lựa chọn điều tra tại các bưu cục ngoại dịch đối với dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ Việt Nam đi các nước. Số liệu này được lấy tại cột (3) dòng “Tổng cộng” trên mẫu CI-9 của bưu cục ngoại dịch tương ứng.

+ Cột (4) Số liệu trên báo cáo tổng hợp: Ghi số liệu trên báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra tại các bưu cục ngoại dịch đối với dịch vụ thư cơ bản

quốc tế từ Việt Nam đi các nước. Số liệu này được lấy tại cột (4) dòng “Tổng cộng” trên mẫu CI-9 của bưu cục ngoại dịch tương ứng.

- Mục 2 (Tỷ lệ chênh lệch trong cả nước đối với dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ Việt Nam đi các nước): Được xác định (=) Số liệu trên báo cáo tổng hợp tại cột (4) dòng “Tổng cộng” Mục 1.1 của mẫu CI-12 này (:) Số liệu trên tài liệu chứng từ tại cột (3) dòng “Tổng cộng” Mục 1.1 của mẫu CI-12 này.

- Mục 3 (Tỷ lệ chênh lệch trong cả nước đối với dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ các nước đến Việt Nam): Được xác định (=) Số liệu trên báo cáo tổng hợp tại cột (4) dòng “Tổng cộng” Mục 1.2 của mẫu CI-12 này (:) Số liệu trên tài liệu chứng từ tại cột (3) dòng “Tổng cộng” Mục 1.2 của mẫu CI-12 này.